

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v: “TrA chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “TrA chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: A Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện C, tỉnh P.

(Chị Đ, A Q đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Đ trình bày: Chị và A Nguyễn Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2007 tại UBND xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng A Q tại xã Tiên Lương, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống và cách sống nên từ tháng 9/2023 đến nay vợ chồng sống L thân, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Khi mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, không thể quay về chung sống cùng nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được L hôn A Q.

Về con chung: Chị và A Q có 02 con chung là Nguyễn Lưu Khánh L, sinh ngày

01/05/2008 và Nguyễn Lưu Hải A, sinh ngày 17/01/2014. Khi L hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và nhất trí giao cháu A cho A Q được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn A Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như chị Đ trình bày. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên có những lúc mâu thuẫn cãi vã nhau, chưa quan tâm đến nhau, chị Đ có nói với A là chị không còn tình cảm với A. Từ tháng 9/2023 chị Đ bỏ về nhà bố mẹ chị Đ ở, vợ chồng L thân từ đó. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, chị Đ không quay về chung sống cùng A. Nay chị Đ xin L hôn A mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nên A không đồng ý L hôn.

Về con chung: A và chị Đ có 02 con chung là Nguyễn Lưu Khánh L, sinh ngày 01/05/2008 và Nguyễn Lưu Hải A, sinh ngày 17/01/2014. Trường hợp nếu L hôn thì A đề nghị A và chị Đ mỗi người nuôi một con chung, A nuôi cháu nào cũng được và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: A Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, *Nguyên vọng của cháu Nguyễn Lưu Khánh L:* Cháu L đề nghị nếu bố mẹ cháu L hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với mẹ.

4, *Nguyên vọng của cháu Nguyễn Lưu Hải A:* Cháu A đề nghị nếu bố mẹ cháu L hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tiên Lương ngày 03/01/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị Đ và A Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2007 tại UBND xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị Đ về chung sống cùng A Q tại khu Cầu Tây, xã Tiên Lương. Quá trình chung sống A chị có xảy ra mâu thuẫn, tháng 9/2023 chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Đ ở. Nay chị Đ xin L hôn A Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án về cơ bản đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên Tòa án gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại khoản 2, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Đ được L hôn A Nguyễn Ngọc Q.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Lưu Khánh L, sinh ngày 01/05/2008 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng L hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Lưu Hải A, sinh ngày 17/01/2014 cho A Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng L hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đ, A Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Đ, A Q được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị Đ, A Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lưu Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí L hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật trA chấp: Đây là trA chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn A Nguyễn Ngọc Q có hộ khẩu thường trú tại Khu C, xã T, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị Đ, A Q đều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đ và A Q là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 31/12/2007. Chị Đ và A Q đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống và cách sống nên có những lúc mâu thuẫn cãi vã nhau, chưa quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Phía chị Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được L hôn A Q. Phía A Q không đồng ý L hôn vì A mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Đ và A Q đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho A chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị Đ được L hôn A Q là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và A Q đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lưu Khánh L, sinh ngày 01/05/2008 và Nguyễn Lưu Hải A, sinh ngày 17/01/2014. Khi L hôn chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và nhất trí

giao cháu A cho A Q được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Phía A Q đề nghị nếu L hôn thì A và chị Đ mỗi người nuôi một con chung, A nuôi cháu nào cũng được và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của A chị là chính đáng, nguyện vọng của cháu L xin được ở với chị Đ, nguyện vọng của cháu A xin được ở với A Q. Vì vậy khi L hôn cần giao cháu L cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu A cho A Q được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ, A Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Đ được L hôn A Nguyễn Ngọc Q.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Lưu Khánh L, sinh ngày 01/05/2008 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng L hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Lưu Hải A, sinh ngày 17/01/2014 cho A Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng L hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đ, A Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Đ, A Q được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị Đ, A Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Lưu Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí L hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004752 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Lương;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền